

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ X  
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 90/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 6 - 2022

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thùy Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Hậu,

2. Ông Lý Tuấn Phong.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa:** Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1970;

Cư trú: Số 1677, Tổ 13, ấp A2, xã An Hoà, huyện Th, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn B, sinh năm 1973;

Cư trú: Số 39/6, Tổ 18, khóm Trung H, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

*Tại phiên tòa bà Đ vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông B vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:*

Bà và ông Lê Văn B kết hôn vào năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã phường, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình cha mẹ của bà Đ. Vợ chồng sống hạnh phúc được hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do đặc điểm làm ăn ông B thường đi xa nhà, nên ông B có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, và sống như vợ chồng với người đó, không lo gì cho bà Đ và con chung. Từ đó vợ chồng không còn tình cảm, không còn tôn trọng, không còn tin tưởng nhau. Từ đầu năm 2020 thì bà Đ và ông B không còn chung sống với nhau nữa. Bà Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn ông B.

Về con chung: Bà Đ xác định quá trình chung sống bà và ông B có 01 (một) con chung là cháu Lê Nguyễn Lam A, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2006. Hiện nay cháu Lam A do bà Đ nuôi dưỡng, nên sau khi ly hôn bà Đ yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Lê Văn B trình bày:* Không cung cấp ý kiến và tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng đương sự vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

*Tại phiên tòa,* bà Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến. Ông B vắng mặt và không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ có liên quan cho Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: (1) Về quan hệ hôn nhân: bà Đ và ông B quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do ông B có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, ông B và bà Đ thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến năm 2020 thì bà Đ và ông B sống ly thân cho đến nay. Bà Đ yêu cầu ly hôn ông B. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án tạo điều kiện hoà giải nhưng bà Đ kiên quyết ly hôn, còn ông B không có ý kiến gì, không có thiện chí hàn gắn gia đình. Như vậy, mâu thuẫn hôn nhân của ông B, bà Đ đã trầm trọng, tình cảm không còn, không thể tiếp tục thực hiện tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn

nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Đ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. (2) Về con chung: Có một con chung là Lê Nguyễn Lam A, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2006, bà Đ yêu cầu quyền được nuôi dưỡng chăm sóc con. Nhận thấy, con chung hiện đang được bà Đ nuôi dưỡng và cháu Lam A có nguyện vọng sống chung với bà Nguyệt, do đó nhằm đảm bảo ổn định về mặt tinh thần cũng như đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho bà Đ chăm sóc nuôi dưỡng. (3) Về cấp dưỡng nuôi con: bà Đ không yêu cầu nên không xét đến. (4) Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Lê Văn B kết hôn có đăng ký kết hôn; bà Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, còn ông B là người có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: bà Đ và ông B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà Đ vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông B vắng mặt không lý do. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Đ và ông B tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố X, tỉnh An Giang. Xét thấy: Để cuộc sống gia đình hạnh phúc, mục đích hôn nhân đạt được thì vợ chồng phải có tình cảm tự nguyện từ hai phía, chung thủy, tin tưởng, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng bà Đ kiên quyết xin ly hôn vì bà cho rằng bà và ông B bất đồng ý kiến trong cuộc sống, ông B lại có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, sống như vợ chồng với người đó, không lo gì cho bà Đ và con chung. Về phía ông B, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, cũng như mở phiên tòa lần thứ hai nhưng ông B vẫn vắng mặt và không có ý kiến, điều này thể hiện ông B không có nguyện vọng đoàn tụ. Mặt khác, hiện nay bà Đ và ông B đã không còn chung sống từ năm 2020. Những vấn đề này thể hiện mâu thuẫn của bà Đ và ông B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung và cấp dưỡng cho con chung: bà Đ xác định bà và ông B có một con chung là cháu Lê Nguyễn Lam A, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2006. Bà Đ yêu cầu sau khi ly hôn, bà được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông B không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: ông B không cung cấp ý kiến về vấn đề này; hiện nay cháu Lam A không sinh sống cùng ông B mà do bà Đ nuôi dưỡng và cháu cũng có nguyện vọng sống chung với bà Đ. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của cháu, tạo điều kiện cho cháu phát triển bình thường; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông B cũng không cung cấp ý kiến về các vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[4] Về án phí: Do bà Nguyễn Thị Hồng Đ là người khuyết tật, đang lĩnh tiền trợ cấp xã hội hàng tháng, và bà Đ có đơn xin miễn nộp án phí, nên bà Đ thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 238; 266; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Các Điều 19; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84; 107; 110; 116; 117; 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 12 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ được ly hôn với ông Lê Văn B.

2. Về con chung:

Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và ông Lê Văn B có 01 (một) con chung là cháu Lê Nguyễn Lam A, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2006.

Bà Nguyễn Thị Hồng Đ được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Lê Nguyễn Lam A. Bà Nguyễn Thị Hồng Đ và thành viên gia đình không được cản trở ông Lê Văn B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Nguyễn Lam A.

Ông Lê Văn B không phải cấp dưỡng cho cháu Lê Nguyễn Lam A.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ được miễn nộp tiền án phí, nên bà Nguyễn Thị Hồng Đ được nhận lại số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm

ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001006 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND p. M, tp.X;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thùy Giang**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Hậu**

**Lý Tuấn Phong**

**Nguyễn Thùy Giang**